

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Bà Trương Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa bà:
Nguyễn Quỳnh Lê, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 138/2017/HSPT ngày 22 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị H, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1972; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông: Nguyễn Mạnh S, sinh năm 1948; Con bà: Đinh Thị B, sinh năm 1948; Chồng: Nguyễn M (đã chết); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại không kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị P – Sinh năm 1971. Địa chỉ: Thị trấn N, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 07/7/2017, Nguyễn Thị H sinh năm 1972 trú tại thôn H, xã X, huyện N đi xe máy đến cửa hàng tạp hóa H ở thôn A, xã X do chị Võ Thị M làm chủ để mua hàng. Bị cáo phát hiện trên tủ kính quầy bán hàng có một chiếc ví cầm tay của chị Nguyễn Thị P sinh năm 1971 trú tại thị trấn N là khách vào mua hàng vừa để quên. Bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tài sản, lợi dụng lúc không có ai để ý, bị cáo đi lại gần dùng

tay đề lên chiếc ví che lại để không ai phát hiện ra, cầm ví bỏ vào túi nilon đựng sữa chua lên xe máy về nhà. Sau khi về đến nhà, bị cáo kiểm tra trong ví có một chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 sử dụng sim điện thoại số 0961.041.148, một tờ tiền mệnh giá 100 AUD (Đô la Úc), 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam và một thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Văn Q.

Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã giao nộp toàn bộ tài sản trên cho cơ quan điều tra công an huyện N.

Tại biên bản định giá tài sản xác định điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 trị giá 9.056.000 đồng; một tờ tiền mệnh giá 100 AUD trị giá 1.785.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Thị H trộm của chị P là 14.891.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm chín mươi một ngàn đồng).

Tại Bản án sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị H 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2017 bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như án sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, Bản án sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện N xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự 1999 với mức án 06 tháng tù là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2]. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo mang tính bột phát; tại phiên toà người bị hại xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, với lý do việc bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản cũng do một phần lỗi của người bị hại bỏ quên tài sản; bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; Hoàn cảnh bị cáo hiện nay gặp nhiều khó khăn, chồng đã mất; quá trình chuẩn bị xét xử phức tạp chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã X đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét về nhân thân từ trước tới thời điểm phạm tội bị cáo chưa có sai phạm gì, hiện nay có nơi cư trú ổn định, được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Nhằm thể hiện sự khoan hồng và tính nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (x2);
- PV27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- CA; VKSND; TAND; THA huyện N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Quang